

Giáo dục và thực hành văn hóa truyền thống cho học sinh trong trường nội trú: Nghiên cứu trường hợp học sinh người Ê Đê ở trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Nơ Trang Lơng – tỉnh Đắk Lắk

Trần Thị Thái

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: tranthaivientrungbo@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này là một nghiên cứu trường hợp phân tích việc giáo dục và thực hành văn hoá dân tộc cho học sinh người Ê Đê trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú (THPT DTNT) Nơ Trang Lơng và ở cộng đồng nơi các em sinh ra và lớn lên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc giáo dục văn hoá truyền thống cho học sinh phải lấy học sinh là trung tâm bởi nó xuất phát từ tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, hoàn cảnh và khả năng của chính các em. Đồng thời, việc giáo dục và thực hành văn hoá truyền thống cho học sinh trường phổ thông DTNT ngoài chủ trương, chính sách chung, cần có sự đồng hành của các chủ thể là nhà trường, gia đình và cộng đồng nơi quê nhà, để các em không chỉ có những hiểu biết về một nền “văn hoá trong bảo tàng” mà quan trọng hơn là được thực hành, trải nghiệm một “nền văn hoá sống”. Điều đó giúp cho việc chuyển giao văn hoá giữa các thế hệ diễn ra một cách tự nhiên, không khiên cưỡng.

Từ khoá: Giáo dục, văn hoá, nội trú, học sinh, Ê Đê, Đắk Lắk.

Education and practice of traditional culture for boarding students: A case study of Ede students at Nơ Trang Lơng ethnic boarding high school – Đắk Lắk province

Abstract: This article presents a case study analyzing the education and practices of traditional culture among the Ede students at No Trang Long ethnic boarding high school (Dak Lak) and within their home communities. The findings emphasize the necessity of adopting a student-centered approach to traditional cultural education, as it derives from the students' aspirations, needs, circumstances, and capabilities. Furthermore, the study indicates that, beyond general policies and directives, effective cultural education and practice in ethnic boarding schools require the integrated involvement of the school, the family, and the home community. This collaboration ensures that students are not merely presented with a "museum culture" but, more importantly, engage in and experience a "living culture." This approach facilitates the smooth and natural transmission of cultural heritage across generations.

Keywords: Education, culture, boarding schools, students, Ede, Dak Lak.

Ngày nhận bài: 18/9/2025; **Ngày phản biện:** 29/9/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/11/2025

1. Đặt vấn đề

Hệ thống trường bán trú tại Việt Nam hiện nay có khoảng 1.097 trường, phân bố ở 28 tỉnh miền núi với 185.671 học sinh dân tộc thiểu số, được Nhà nước hỗ trợ về chi phí sinh hoạt (Đào Thị Tùng, 2020). Việc giáo dục và thực hành văn hóa truyền thống cho học sinh người dân tộc thiểu số tại các trường nội trú góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp các em học sinh dân tộc thiểu số hiểu rõ hơn về nguồn cội, ngôn ngữ, trang phục, phong tục và tập quán của dân tộc mình. Thay vì bị hòa tan vào môi trường mới, các em được khuyến khích tự hào về bản sắc văn hóa, từ đó hình thành ý thức gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ sau.

Dân tộc Ê Đê là cộng đồng bản địa lâu đời tại Tây Nguyên, với dân số 398.671 người (2019), tập trung chủ yếu tại cao nguyên Đắk Lắk. Xã hội truyền thống của người Ê Đê được xây dựng trên thiết chế mẫu hệ, bên cạnh thiết chế tự quản buôn làng (Ngô Đức Thịnh (chủ biên), 1996; Anne De Hauteclocque-Howe, 2018). Họ cư trú trong nhà sàn dài, trang phục choàng quần độc đáo với màu đen chủ đạo được dệt điểm xuyết với sự sắc sảo của các loại hoa văn hình học, chim thú, cây cối... Bên cạnh đó, họ còn có kho tàng truyền miệng đặc sắc: trường ca (Đam Săn, Xinh Nhã - Đăm Di...). Luật tục, âm nhạc công chiêng của người Ê Đê cũng mang những sắc thái riêng,

góp phần tạo nên *Không gian văn hoá công chứng Tây Nguyên* được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại vào năm 2005. Các nghi lễ của người Ê Đê thường gắn liền với chu kỳ vòng đời người và các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Trong bối cảnh văn hóa truyền thống Ê Đê đang trải qua quá trình biến đổi mạnh mẽ dưới tác động kinh tế - xã hội, việc triển khai giáo dục văn hóa Ê Đê tại trường nội trú trở nên đặc biệt quan trọng. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống nhằm nuôi dưỡng ý thức tự hào, trách nhiệm và kỹ năng bảo tồn di sản văn hóa. Quá trình này không chỉ truyền tải kiến thức mà còn trang bị nền tảng vững chắc về nguồn cội, góp phần hình thành sự tự tin và ý thức trách nhiệm của học sinh trong việc gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc.

2. Tổng quan và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về thực hành văn hoá ở trường nội trú của học sinh dân tộc thiểu số tại Việt Nam là một lĩnh vực được khá nhiều các nhà nghiên cứu quan tâm, nhưng chủ yếu được tiếp cận thông qua lăng kính quản lý giáo dục và bảo tồn bản sắc văn hóa. Có thể kể đến một số tác giả quan tâm đến chủ đề này như Đỗ Thị Bích Loan (2013), Lê Thị Mùi (2016). Bên cạnh đó, có một số báo cáo đánh giá mô hình trường nội trú do các tổ chức quốc tế và trong nước thực hiện, ví dụ: nghiên cứu của RTCCD và UNICEF Việt Nam (2023). Các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào chính sách, khả năng tiếp cận giáo dục và sức khỏe của học sinh, không chuyên biệt hóa vào thực hành văn hóa. Điều đó cho thấy một khoảng trống nghiên cứu (research gap) cần được lấp đầy, tập trung vào chủ thể học sinh và các không gian thực hành văn hóa trong môi trường giáo dục đặc thù này.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài viết này là phỏng vấn sâu và quan sát tham dự. Các mẫu phỏng vấn sâu trong bài viết được chọn theo chủ đích nghiên cứu, bao gồm học sinh, cựu học sinh, phụ huynh, lãnh đạo nhà trường/các thầy cô giáo. Bài viết cũng thực hiện phương pháp “hòn tuyết lăn” để khai thác mạng lưới xã hội của các đối tượng này để tìm kiếm thêm những thông tin viên có kiến thức hiểu biết khác để làm sâu sắc hơn vấn đề nghiên cứu. Phương pháp quan sát tham gia được sử dụng trong bài viết giúp cung cấp thông tin trực diện và chân thực về một số hoạt động tại nhà trường, như hoạt động chào cờ đầu tuần, các hoạt động giao lưu, biểu diễn văn nghệ của các em học sinh. Đây là những thông tin sống động cung cấp dữ liệu cho bài viết, đồng thời có tính chất bổ trợ, giúp ích cho việc kiểm chứng những thông tin thu thập từ phỏng vấn sâu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Giáo dục và thực hành văn hoá dân tộc tại trường của học sinh người Ê Đê trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng

Trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng được thành lập ngày 12/01/1976 theo quyết định của UBND Cách mạng tỉnh Đắk Lắk. Nhà trường có nhiệm vụ “nuôi và dạy học sinh, góp phần nâng cao dân trí, tạo nguồn cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số cho địa phương”. Hiện nay, với đặc trưng là môi trường học tập của phần lớn các em học sinh người dân tộc thiểu số trên địa bàn, giáo dục văn hoá dân tộc cho các em học sinh là một trong những nhiệm vụ của nhà trường. Thống kê theo thành phần dân tộc, năm học 2022-2023 trường DTNT Nơ Trang Lơng có tổng số 538 học sinh thuộc 16 dân tộc khác nhau. Trong đó, dân tộc tại chỗ (Ê Đê, M'Nông và Jrai) chiếm 58,6%, các dân tộc khác chiếm 41,4%. Theo thông tin chia sẻ từ phía lãnh đạo nhà trường, các hoạt động giáo dục văn hoá dân tộc (VHDT) cho học sinh tại trường học thể hiện mục tiêu, quy định về giáo dục VHDT trong trường THPTDTNT của Bộ Giáo dục & Đào tạo trên hai phương diện chính. Thứ nhất là việc tích hợp các kiến thức về lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, VHDT thiểu số và địa phương. Việc tích hợp kiến thức này được các giáo viên bộ môn chủ động triển khai khi trực tiếp giảng dạy các bộ môn chính khoá cho các em. Cụ thể qua các môn học: địa lý (vùng miền địa phương, đời sống sinh hoạt của cư dân các khu vực vùng miền), lịch sử (lịch sử đấu tranh và anh hùng dân tộc địa phương - ví dụ về anh hùng Nơ Trang Lơng), văn học (ví dụ trường ca Đăm Săn của người Ê Đê), giáo dục công dân (các tình huống trong các bối cảnh văn hoá khác nhau). Thứ hai là việc thực hiện các hoạt động văn hoá, thể thao: “sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động theo chủ đề, lễ hội, tết dân tộc, giao lưu văn hoá... nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc, xoá bỏ các tập tục lạc hậu”

(Điều 19, Quyết định số 49/2008/QĐ-BGDĐT). Đây là nội dung mà nhà trường thường xuyên tổ chức thông qua nhiều hình thức và được học sinh yêu thích, hưởng ứng nhiệt tình.

Hoạt động ngoại khoá diễn ra dưới nhiều hình thức, có thể khái quát lại một số nội dung VHDT được nhà trường khuyến khích và tạo cơ hội trải nghiệm, thực hành cho các em học sinh như sau: hiểu biết chung về văn hoá dân tộc (đi tham quan bảo tàng dân tộc tỉnh 1 ngày); về nhạc cụ và âm nhạc dân tộc (mời nghệ nhân về nói chuyện và dạy nhạc cụ cho học sinh, thành lập đội công chiêng của trường - lớp lớn bày cho lớp sau); ẩm thực dân tộc (thi nấu ăn, trình diễn món ăn truyền thống của dân tộc mình trong các dịp như ngày thành lập Đoàn, ngày Nhà giáo Việt Nam); trang phục dân tộc (trình diễn, thuyết trình về trang phục dân tộc); một số tập tục cần loại bỏ (ví dụ đối với người Ê Đê là tục thách cưới, tục nổi dây - trường hợp kết hôn không tự nguyện, ép duyên; tục tảo hôn... thông qua các cuộc thi tìm hiểu về giáo dục giới tính, sinh hoạt chuyên đề). Trong số các hoạt động trên, hoạt động học đánh và biểu diễn công chiêng là nổi bật nhất bởi văn hoá công chiêng là nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc khu vực Tây Nguyên, được quan tâm bảo tồn và phát triển.

Phân tích dưới đây về phương diện văn hoá dân tộc: ngôn ngữ và trang phục- dựa trên dữ liệu phỏng vấn sâu (từ góc độ nhà trường và học sinh, cựu học sinh) và quan sát (lễ chào cờ đầu tuần và buổi học của các em) do chúng tôi thực hiện sẽ lý giải vài khía cạnh về thực trạng thực hành VHDT tại trường học.

Đầu tiên là về ngôn ngữ - tiêu chí quan trọng nhất để xác định tộc người. Thực tế được ghi nhận tại điểm nghiên cứu đó là việc duy trì, giáo dục ngôn ngữ dân tộc chưa thực sự được quan tâm cũng như chưa được đặt ra là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ giáo dục VHDT cho học sinh. Ngôn ngữ chính được sử dụng để giảng dạy trong trường học là tiếng phổ thông - tiếng Việt. Việc thông thạo tiếng phổ thông cũng là một yêu cầu trong quá trình học và là tiêu chuẩn để có thể vào học tại trường (thông qua kỳ thi đầu cấp hàng năm). Mặc dù Đắk Lắk là tỉnh tiên phong trong việc ra chủ trương và thực hiện việc đào tạo tiếng Ê Đê trong các trường tiểu học (từ lớp 3 đến lớp 5) và trung học cơ sở (trường PTDTNT lớp 6,7 và 8) từ năm 2010. Tuy nhiên, việc dạy học tiếng Ê Đê chưa được đưa vào chương trình giáo dục THPT. Chính vì vậy, qua phỏng vấn học sinh Ê Đê cho thấy, ngoài bậc tiểu học còn nhỏ, chỉ những em học trường PTDTNT cấp 2 mới được học tiếng Ê Đê tại trường, phần lớn các em đều có thể nói được tiếng nói nhưng không nhiều em biết đọc và viết chữ. Do chưa trở thành một môn học chính thức bắt buộc nên nhà trường khuyến khích các em duy trì tiếng nói của dân tộc mình qua hình thức sưu tầm, hát những bài hát dân ca bằng tiếng mẹ đẻ trong các sinh hoạt tập thể. Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì ngôn ngữ dân tộc, nhất là với ngôn ngữ có cả chữ viết lẫn tiếng nói như trường hợp của dân tộc Ê Đê, nhưng với tính đa dạng văn hoá tộc người rất cao trong trường học, việc triển khai dạy ngôn ngữ tộc người cho tất cả các em cũng là một bài toán khó. Về phía giáo viên, trong tổng số 75 giáo viên, chỉ có 3 giáo viên là người Ê Đê, các giáo viên đều có chứng chỉ tiếng Ê Đê (như là một yêu cầu bắt buộc với giáo viên dạy tại trường này), nhưng việc giao tiếp ngoài giờ lên lớp với các em cũng chủ yếu bằng tiếng phổ thông, bởi vì theo chia sẻ từ phía nhà trường, nhiều thầy cô có thể hiểu được những câu chuyện các em nói bằng tiếng Ê Đê với nhau nhưng chưa thể nói chuyện với các em bằng tiếng Ê Đê một cách thuần thục. Như vậy, ngôn ngữ phổ thông vẫn được sử dụng trong những tiết học chính thức trên lớp.

Từ góc độ học sinh, việc thực hành tiếng nói dân tộc mình ngoài giờ học tại môi trường nội trú cũng rất hạn chế, mặc dù đây là vấn đề hoàn toàn do các em tự lựa chọn. Điều này là do nhiều yếu tố khác nhau chi phối, như được thể hiện rõ trong ý kiến của các em về việc thực hành ngôn ngữ dân tộc tại trường:

"Phòng ký túc xá của em là hai người dân tộc Ê Đê, một bạn dân tộc Chăm, một bạn Nùng, một bạn Tày. Khi nói chuyện với các bạn khác bằng tiếng phổ thông, nói chuyện với bạn Ê Đê đôi khi cũng dùng tiếng Ê Đê" (nữ học sinh lớp 10, dân tộc Ê Đê, trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng).

"Em chỉ nói được tiếng Kinh ở trường là chủ yếu, nói được tiếng Ê Đê nhưng không viết được, em cũng hơi "mất gốc" - do em không thông thạo, người ta nói Ê Đê nhanh là không hiểu lắm. Em có thể nghe nói tiếng Kinh rõ, hiểu hơn so với những bạn hồi cấp 1,2 ít học cùng với người Kinh. Một số thầy

cô cựu học sinh của trường có nói chuyện, tương tác bằng tiếng Ê Đê trên mạng xã hội với em nhưng em không hiểu để trả lời, nói chuyện thì em trả lời được, nhưng viết chữ thì em không hiểu" (Nam học sinh lớp 12, dân tộc Ê Đê, trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng).

Theo các em học sinh người Ê Đê, nhu cầu sử dụng một ngôn ngữ chung để dễ dàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống là cần thiết bởi vì trong môi trường sinh hoạt nội trú, các em cùng ăn, cùng ở, cùng chia sẻ nhiều câu chuyện với nhau khi ở chung phòng ký túc xá, nhưng các em lại thuộc những dân tộc khác nhau, tiếng nói khác nhau. Bên cạnh đó, ngay cả những bạn cùng là người Ê Đê nhưng ở các vùng khác nhau cũng không dễ dàng hiểu được tiếng nói của nhau do phương ngữ khác nhau cũng như do tốc độ phát âm. Ngoài ra, với những em có môi trường học tập từ cấp tiểu học đến cấp THCS đều học chung với các bạn người Kinh cho nên các em không được học chữ viết Ê Đê và quen sử dụng tiếng phổ thông hơn. Không có cơ hội được học tập và thực hành thường xuyên tiếng dân tộc khiến cho một số em tự nhận mình là "mất gốc" - không đọc thông viết thạo tiếng Ê Đê.

Thứ hai là về trang phục - nét văn hoá có thể dễ dàng nhận biết qua trực quan, bởi mỗi dân tộc có những cách sử dụng hoa văn, màu sắc được thể hiện trên trang phục là khác nhau. Qua quan sát buổi lễ chào cờ đầu tuần tại trường, chúng tôi nhận thấy các em đều mặc đồng phục trường quần xanh tím than và áo trắng mà không mặc trang phục dân tộc. Qua thông tin phỏng vấn sâu, chúng tôi được biết với mỗi học sinh bắt đầu nhập học vào trường đều được khuyến khích tự trang bị một bộ trang phục dân tộc. Đây không phải là quy định bắt buộc của nhà trường bởi vì theo lãnh đạo trường chia sẻ, có những em có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn không thể mua một bộ trang phục dân tộc Ê Đê mới (hơn 1 triệu/bộ) hay cũng không được ai cho/tặng do bà, mẹ hay các chị em của bố mẹ đều không ai biết dệt. Với những trường hợp này, các em có thể mượn của nhà trường trong các dịp cần mặc. Vào mỗi thứ hai đầu tuần, nhà trường khuyến khích các em mặc trang phục dân tộc. Ngoài ra, trang phục dân tộc của các em được mặc trong một số dịp như: biểu diễn văn nghệ nhân các ngày kỷ niệm trong năm (ngày Thành lập Đoàn 26/3; Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11...); trong các hội thi, hội diễn văn nghệ trong và ngoài trường. Khi được hỏi nếu được chọn mặc trang phục dân tộc trong quá trình học tập tại trường lớp thì em có mặc không, tất cả các em đều trả lời là không, với lý do là tuy đẹp nhưng trang phục đó không phù hợp trong một số hoạt động (ví dụ giờ thể dục), đồng thời nó cũng gò bó và nóng bức, không tiện để các em có thể chạy nhảy vui chơi trong giờ nghỉ. Trang phục dân tộc đang dần trở thành "biểu tượng" nhân quan đối với các em, được sử dụng trong các dịp mang tính trình diễn là chủ yếu mà không phải là trang phục trong đời sống hằng ngày.

3.2. Giáo dục và thực hành văn hoá dân tộc tại cộng đồng của học sinh người Ê Đê trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng

Tổng hợp ý kiến từ phỏng vấn sâu cho thấy việc đi học nội trú ban đầu thường là lựa chọn của bố mẹ. Đây là một xu thế của các bậc phụ huynh khi mong đợi con cái được học hành sẽ có cơ hội có công việc và cuộc sống đỡ vất vả hơn bố mẹ, đặc biệt đối với các phụ huynh ở khu vực nông thôn, họ sẵn sàng đầu tư vào việc học của con, như có nghiên cứu đã chỉ ra (Đặng Bích Thủy, 2008). Việc lựa chọn học trường DTNT cũng xuất phát từ việc mong đợi con cái có môi trường học tập tốt hơn, có cơ hội mở mang kiến thức và đặc biệt là giảm áp lực về kinh tế cho gia đình khi các em đi học được hỗ trợ tiền ăn, ở, học phí. Tâm tư của các em khi lựa chọn trường xuất phát từ hai vấn đề chính, thứ nhất vẫn là vấn đề kinh tế, vì khi học ở đây các em được nuôi ăn học, có học bổng nên có thể đỡ đần cho bố mẹ, thứ hai là trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng là trường có chất lượng đào tạo nổi tiếng trong tỉnh qua nhiều thời kỳ, có các cựu học sinh "thành đạt", giữ các vị trí công tác khác nhau trong thành phố, trong tỉnh. Bởi vậy, các em mong đợi mình cũng có cơ hội học hành, có công việc và cuộc sống tốt hơn.

Khi được hỏi về cảm giác khi lần đầu tiên sống xa bố mẹ, xa gia đình như thế nào, các em cho biết đều khóc nhớ nhà, mỗi lần bố mẹ lên thăm thường đòi về cùng bố mẹ. Do cấp hai học tại huyện nên khoảng cách từ nhà tới trường tầm từ 10-15km và các em còn nhỏ nên trong năm học, thông thường bố hoặc mẹ lên đón về nhà mỗi cuối tuần. Và cũng mất khoảng vài tháng các em mới có thể bắt đầu quen dần với nhịp sống nội trú. Sang cấp 3, trong năm học, mức độ liên

lạc trực tiếp giữa các em và bố mẹ suy giảm do trường học cách xa nhà (50-100km tùy địa điểm), đường sá đi lại không thuận tiện (có em đi 3-4 chặng xe buýt mới về được nhà), có em đi xe ô tô bị say, bởi vậy các em ít về thăm nhà mà chủ yếu bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình lên thăm, cũng có em có anh/chị học lớp trên cùng trường. Phương tiện đi lại chủ yếu khi bố mẹ lên hoặc khi các em về thăm nhà là bằng xe buýt, xe khách hoặc xe máy, cũng có em gia đình bố mẹ có ô tô. Mức độ gặp gỡ trực tiếp giữa gia đình và các em cũng giảm dần theo lớp, trong đó năm lớp 10 lên thăm nhiều hơn, tầm 1-2 tháng/lần. Sang lớp 12, mức độ đi thăm của gia đình đối với các em giảm dần, khoảng 3-4 tháng/lần, mức độ gọi điện thoại cũng giảm hơn so với trước do các em bận tập trung học hành ôn thi. Liên lạc qua điện thoại, video zalo trở thành phương tiện kết nối thường xuyên giữa các em và gia đình. Do đó, thông tin trao đổi chủ yếu là hỏi han về tình hình sức khỏe, học hành, công việc nương rẫy.

Trong năm học, ngoài các dịp về thăm nhà cuối tuần, các em có thể nghỉ học để về nhà trong dịp lễ chung (30/4-1/5, Quốc khánh 2/9...), hay khi gia đình có việc lớn (cưới hỏi, tang ma, cúng cầu an, cúng trừ tà khi gia đình có người gặp tai nạn). Nhìn chung, thời gian được về nhà lâu nhất chính là dịp hè. Khi được hỏi các em thường làm việc gì trong thời gian nghỉ hè, cả phụ huynh và học sinh đều cho biết chủ yếu các em làm công việc quét dọn, nấu cơm nước phụ giúp bố mẹ, có em cũng phụ bố mẹ làm ruộng rẫy như nhổ cỏ, gặt lúa...

Việc hình thành, duy trì và phát triển văn hoá dân tộc của các em được tích lũy qua quá trình tương tác trực tiếp với các thành viên khác trong gia đình, cộng đồng trong đời sống hằng ngày kể từ khi mới chào đời. Đầu tiên là bằng cảm nhận, rồi sau đó là sự quan sát, tham dự trực tiếp vào các hoạt động gia đình, cộng đồng. Từ thông tin phỏng vấn cho thấy, có hai vấn đề nổi bật ảnh hưởng tới việc giáo dục và thực hành văn hoá dân tộc của các em tại gia đình và cộng đồng. Thứ nhất là việc kết nối trực tiếp với gia đình, với cộng đồng bị gián đoạn do phải đi học xa nhà, thứ hai là sự mai một trong hoạt động nghi lễ của cộng đồng tại địa phương. Tuy nhiên, với từng khía cạnh văn hoá cụ thể, mức độ tác động của các yếu tố có sự khác nhau.

Tiếng nói chính là thứ đầu tiên mà các em được truyền thụ và sau đó là thực hành một cách tự nhiên nhất bởi quá trình giao tiếp với bố mẹ và các thành viên khác trong gia đình. Điều này cũng đồng nghĩa với việc ngay từ khi còn nhỏ, các em có thể nói tiếng dân tộc mình khi được sinh ra, nuôi dưỡng bởi những người nói ngôn ngữ đó và trong một môi trường sử dụng chung một ngôn ngữ. Chẳng hạn qua trường hợp phỏng vấn một phụ huynh tại buôn Earông B, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn (có hai con đều học trường Nơ Trang Lơng), vị phụ huynh này cho biết ông là người Ê Đê, vợ là người Lào, ngoài tiếng phổ thông, con gái ông có thể nói được tiếng Ê Đê, tiếng Lào, tiếng M'ông (cư dân trong buôn có nhiều người dân tộc M'ông). Còn người con trai chỉ biết tiếng Lào, tiếng M'ông mà ít nói được tiếng Ê Đê vì người bố không có nhiều thời gian dạy con. Từ khi con trai chuyển sang làng mới nơi có rất ít người Ê Đê, con ít có cơ hội thực hành tiếng Ê Đê. Với các em học sinh được phỏng vấn, các em cho biết nói chung có thể nói tiếng Ê Đê một cách thành thạo và đây là ngôn ngữ chính được sử dụng khi các em giao tiếp với người khác trong gia đình và trong cộng đồng mỗi khi các em có dịp về nhà. Việc sử dụng tiếng nói dân tộc mình tại gia đình, cộng đồng là một yêu cầu bắt buộc, là sự khuyên nhủ của các bậc phụ huynh đối với con cái; đồng thời cũng có trường hợp do người mẹ không thông thạo tiếng phổ thông nên các em cũng phải giao tiếp với mẹ bằng tiếng Ê Đê.

"Mẹ bảo nếu là người Ê Đê thì phải biết tiếng Ê Đê chứ không thể để mất gốc của mình. Lúc đi học thì có thể nói tiếng phổ thông, còn lúc khác nói chuyện với họ hàng, bạn bè thì phải bằng tiếng Ê Đê, sau đó em cũng điều chỉnh" (nữ học sinh lớp 10, dân tộc Ê Đê, trường Nơ Trang Lơng).

Do được sinh ra trong môi trường sử dụng tiếng Ê Đê ngay từ khi còn nhỏ nên lớn lên các em đều có thể nói được tiếng "mẹ đẻ" cho dù có học tập và sinh sống trong môi trường thường sử dụng tiếng phổ thông. Tuy nhiên, tình hình biết và thực hành chữ viết lại là một câu chuyện khác. Chỉ những em học cấp 1-2 nơi trường có nhiều học sinh người Ê Đê thì các em mới được học chữ (từ lớp 3 đến lớp 8), sau đó các em không còn được học nữa do không có trong chương trình. Chính vì vậy, dần dần các em cũng quên.

Về tình hình mặc trang phục thì cũng tương tự như ở trường, nghĩa là trong gia đình và cộng

đồng, mọi người chỉ mặc trang phục dân tộc trong một số dịp theo phong tục như ăn hỏi, tang ma, hay trong ngày kỷ niệm theo phong trào mới như: ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, hội họp quan trọng tại địa phương, đi chụp ảnh gia đình... Trong gia đình và cộng đồng, theo quan sát của các em học sinh đang theo học tại trường, những người biết dệt không còn lại bao nhiêu. Có hai cựu học sinh nữ cho biết mẹ của các em đều biết dệt, trong đó mẹ của một em đã mất. Tuy nghề dệt có phần mai một và không dùng để may trang phục hàng ngày nhưng những tấm thổ cẩm dệt tay vẫn là vật dụng không thể thiếu trong một số nghi lễ của người Ê Đê, đặc biệt là lễ ăn hỏi và lễ tang ma, lễ cúng bến nước... như các em chia sẻ đã quan sát thấy điều đó khi các em tham dự.

Với nghi lễ được tổ chức ở quy mô gia đình, các em vẫn còn nhiều cơ hội tham gia hơn so với nghi lễ cộng đồng bởi vì việc tổ chức một số lễ cúng trong gia đình thường do gia đình linh hoạt điều chỉnh thời gian để các con xa nhà đều có thể tham dự như: chọn thời gian các con được nghỉ lễ chung, dịp cuối tuần hoặc dịp hè, hay tổ chức ăn lúa mới kết hợp với tết Nguyên đán. Hoặc với những lễ quan trọng trong gia đình như: có thành viên cưới hỏi, tang ma... thì các em sẽ được phụ huynh xin phép nhà trường đón về. Chính vì thế, các em đều biết một số phong tục của người Ê Đê liên quan đến đám cưới, đám ma như trong hôn nhân, phụ nữ đi hỏi và cưới chồng mà theo cách nói của các em là "bắt chồng" và đưa ra so sánh: đám cưới bây giờ tổ chức mời ăn giống như người Kinh làm nhưng đám hỏi thì khác, theo phong tục Ê Đê. Trong ngày đám hỏi, mọi người mặc trang phục truyền thống, nhà vợ mang vòng đồng sang nhà trai để rước rể về. Các em cũng biết về tang ma và tục bỏ mả, đến ngày tết (Nguyên đán) vẫn ra mộ dọn dẹp cỏ, đem lễ thắp hương. Do vẫn có thể về tham dự một số nghi lễ nên có em vẫn biết cách ủ rượu cần, nấu một số món ăn đơn giản của người Ê Đê.

Nhìn chung, với cộng đồng người Ê Đê, các nghi lễ cộng đồng mai một, dần thu hẹp vào quy mô nghi lễ gia đình: cúng cơm mới, cúng cầu an - giải xui, khánh thành nhà mới, tang ma... Sự thay đổi của bối cảnh kinh tế, đời sống xã hội, sự hội nhập và cư trú đa tộc người đã làm văn hoá của người Ê Đê có sự biến đổi. Qua tìm hiểu hoàn cảnh gia đình và thông tin chung về buôn làng nơi các em sinh sống, có thể thấy rằng có nhiều thay đổi về kinh tế (rẫy canh tác keo, mì, cà phê...), không gian sinh sống (sự dần biến mất của nhà dài, nhà xây trệt trở nên phổ biến, cộng cư nhiều dân tộc...), không còn chứng kiến lễ: cúng bến nước, lễ cơm mới...; một số vật dụng truyền thống cũng không còn như: ché, công chiêng, rổ rá đan lát...

Văn hoá là một phần của đời sống bởi vậy nó cũng thay đổi, những nét văn hoá mới được nảy sinh, phát triển dựa trên những giá trị văn hoá cũ thông qua sự trao truyền giữa các thế hệ. Chính vì thế, gia đình, cộng đồng đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đó (Tạ Thị Thảo, 2017; Đặng Hoàng Giang, 2021). Như một phụ huynh chia sẻ, đầu tiên phải từ bố mẹ và thời đại này có thể sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại để hỗ trợ cho các con:

"Bố mẹ phải nghiên cứu học hỏi, có thể tìm hiểu trên internet về văn hoá Ê Đê để sau này duy trì, truyền đạt lại cho con cái, vì mình phải biết nguồn gốc, phong tục tập quán của mình. Con cái tuy học xa nhà nhưng có thể sử dụng điện thoại để dặn dò, giải đáp thắc mắc của con về những gì mà con hỏi. Bây giờ thì có điện thoại thông minh, cho nên đi đâu thấy có đánh công chiêng đẹp thì quay video rồi gửi qua zalo, đọc trên mạng thấy thông tin hay, phù hợp với lứa tuổi của con thì gửi qua cho con xem, đó là cách tôi giáo dục con cái ở xa" (phụ huynh học sinh, 45 tuổi, buôn Earông B, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn).

4. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu việc giáo dục và thực hành văn hoá truyền thống dân tộc tại nhà trường và tại cộng đồng học sinh người Ê Đê (trường THPT DTNT Nơ Trang Long - tỉnh Đắk Lắk), chúng tôi nhận thấy về phía nhà trường luôn tạo điều kiện cho các em có cơ hội tìm hiểu, thực hành văn hoá truyền thống. Tuy nhiên, giáo dục chỉ mới dừng lại cung cấp kiến thức chung chung về văn hoá dân tộc, mà chưa trở thành một môi trường sống mang đậm nét văn hoá dân tộc cho các em, cơ hội thực hành còn hạn chế và chưa hiểu được bối cảnh, không gian sống, ý nghĩa của từng nét văn hoá. Một trong những nguyên nhân của vấn đề đó là khó khăn về mặt con người, tài chính và tổ chức quản lý trong việc giáo dục văn hoá dân tộc cho các em. Việc trao truyền các nội dung văn hoá chuyên sâu như bảo tồn nhạc cụ dân tộc, nghề dệt thổ cẩm truyền thống cần

phải có trang thiết bị, cơ sở vật chất và người hướng dẫn. Đây là điều mà các thầy cô không thể thực hiện được nếu không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Không có kinh phí thì sẽ khó khăn trong việc mời các nghệ nhân về dạy cho các em học sinh biết về nhạc cụ dân tộc; không tổ chức đưa các em đi tham quan dã ngoại nhiều, giúp các em hiểu thêm về văn hóa dân tộc; tổ chức mời các nhà nghiên cứu am hiểu về văn hóa về nói chuyện với các em; thuê các nhà nghiên cứu về dạy tiếng DTTS cho học sinh để các em tăng cường khả năng đọc và viết.

Đối với các em học sinh, các em cho rằng cơ hội thực hành văn hóa truyền thống của dân tộc tại trường vẫn còn ít. Các em mong muốn được nhà trường tổ chức thêm hoạt động ngoại khóa như: hướng dẫn học sinh tập hát, múa những làn điệu dân ca giúp phát triển năng khiếu nghệ thuật, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh có môi trường sinh hoạt lành mạnh như giao lưu với các trường khác; dạy nghề truyền thống (đan lát); tổ chức liên hoan văn hoá các dân tộc. Duy trì việc dạy và học tiếng dân tộc trong trường là mong muốn của nhiều học sinh và phụ huynh, trong đó cách thức triển khai có thể linh hoạt và phù hợp với các em. Bên cạnh đó, các em cũng khuyến nghị nhà trường thành lập thêm các câu lạc bộ như câu lạc bộ múa, câu lạc bộ các loại nhạc cụ. Từ đó, mời các nghệ nhân về truyền dạy cho các em; mời già làng, nhà nghiên cứu am hiểu về văn hóa truyền thống trao đổi, buổi nói chuyện chuyên đề cho các em hiểu biết thêm về văn hoá dân tộc mình.

Nhìn từ góc độ cá nhân, gia đình, sự mai một văn hoá truyền thống tại địa bàn sinh sống cũng khiến cho hiểu biết về văn hoá và nhu cầu tìm hiểu văn hoá truyền thống của một số em còn hạn chế. Thông tin phỏng vấn từ học sinh, cựu học sinh và phụ huynh cho thấy, hiện nay các em ít có cơ hội tham gia nghi lễ trong cộng đồng, của dòng họ, láng giềng hơn. Nhà của các em ở buôn vùng sâu vùng xa, cách trường khoảng 100km, có buôn vẫn còn thực hiện các nghi lễ chung của cộng đồng như cúng bến nước, cúng mừng cơm mới... nhưng các em thường khó về bởi nghi lễ diễn ra trong thời gian các em học ở trường. Cũng có em chia sẻ rằng do học xa nhà, các em cũng không thể thường xuyên tham gia một số nghi lễ của hàng xóm láng giềng hay của những họ hàng trong buôn như khi em còn học gần nhà. Bên cạnh đó, việc không còn tổ chức nghi lễ, lễ hội ở cộng đồng được các thông tin viên xác nhận là tương đối phổ biến. Cụ thể như buôn có phần lớn cư dân theo đạo Tin Lành; buôn mới thành lập (do tách cư dân) không có bến nước... Sự thay đổi hoàn toàn thế giới quan cũng khiến cho các vật dụng và diễn tấu văn hoá truyền thống gắn liền với những sinh hoạt nghi lễ cộng đồng và của gia đình cũng dần dần bị mai một theo, điển hình là cổng chiêng, ché và múa xoang. Trong đó, cổng chiêng là nhạc cụ để tấu lên vũ khúc trong những lễ hội, là công cụ giao tiếp với thần linh; ché đựng rượu cần; và múa xoang cũng biến mất trong những cộng đồng này. Như vậy, có thể thấy có hai yếu tố nổi bật ảnh hưởng đến sự tham gia, thực hành văn hoá dân tộc tại cộng đồng của các em học sinh người Ê Đê, đó là mức độ duy trì, thực hành thường xuyên các sinh hoạt văn hoá của cộng đồng và thứ hai là yếu tố địa lý.

Việc trực tiếp được tham gia các sinh hoạt văn hoá tại nhà trường và cộng đồng giúp các em hiểu biết và duy trì các nét văn hoá của dân tộc mình. Việc gìn giữ, duy trì, thực hành tiếng nói, chữ viết và các phong tục, nghi lễ được xem như là gốc rễ, cội nguồn của việc gìn giữ, bảo tồn văn hoá Ê Đê bởi nhiều trường hợp phỏng vấn, các em đều tự nhận mình “mất gốc” khi không thông thạo cả tiếng nói lẫn chữ viết của dân tộc mình, cũng như không biết tường tận về một số tập tục, nghi lễ tiêu biểu như lễ cúng bến nước, lễ mừng cơm mới, lễ cổng chiêng. Tuy nhiên, mặc dù ở đâu hay có hiểu biết và thực hành văn hoá dân tộc ở mức độ nào thì tất cả các em đều nhận mình là người Ê Đê, điều đó cho thấy cho dù văn hoá biến đổi ở mức độ nào thì ý thức tự giác tộc người còn tồn tại lâu dài, bền bỉ và dai dẳng nhất.

5. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đã phân tích sâu sắc thực trạng giáo dục và thực hành văn hoá truyền thống của học sinh người Ê Đê tại Trường THPT DTNT Nơ Trang Lơng (Đắk Lắk), đồng thời đặt vấn đề này trong bối cảnh biến đổi văn hoá phức tạp của cộng đồng. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định vai trò kép của trường nội trú trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc. Nghiên cứu cũng cho thấy, hiệu quả của việc giáo dục văn hoá Ê Đê phụ thuộc vào yếu tố then chốt. Đó là quá trình

giáo dục cần được cá nhân hóa và linh hoạt, lấy học sinh làm trung tâm, tôn trọng tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và năng lực thực tế của các em. Điều này là cơ sở để chuyển đổi từ mô hình truyền dạy kiến thức thụ động sang mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm và trải nghiệm. Muốn được như vậy đòi hỏi cơ chế phối hợp đồng bộ giữa ba chủ thể: nhà trường (nơi cung cấp kiến thức hệ thống), gia đình (duy trì giá trị cốt lõi) và cộng đồng (tạo môi trường thực hành sống). Sự liên kết này giúp học sinh không chỉ hiểu về "văn hoá bảo tàng" mà còn trực tiếp tham gia vào "văn hoá sống" của dân tộc mình. Thông qua việc được thực hành, trải nghiệm các giá trị văn hoá như ngôn ngữ, trang phục, công chiêng, luật tục một cách tự nhiên và có hệ thống, ý thức, niềm tự hào và trách nhiệm của học sinh đối với di sản văn hoá được nuôi dưỡng. Đây là nền tảng vững chắc để đảm bảo quá trình chuyển giao văn hoá Ê Đê giữa các thế hệ diễn ra không khiên cưỡng và bền vững trong bối cảnh hội nhập.

Tóm lại, việc tăng cường thực hành văn hoá truyền thống trong môi trường nội trú không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn là giải pháp chiến lược nhằm thúc đẩy sự tự tin, hình thành bản sắc cá nhân và cộng đồng, góp phần quan trọng vào sự đa dạng văn hoá quốc gia.

Ghi chú: Kết quả nghiên cứu của bài viết được rút ra từ Dự án “Giáo dục và thực hành văn hoá truyền thống của học sinh các trường dân tộc nội trú tại Việt Nam” do CEPEW (Trung tâm thúc đẩy nâng cao năng lực của phụ nữ) thực hiện giai đoạn 2022-2023.

Tài liệu tham khảo

- Anne De Hauteclocque – Howe. (2018). *Người Ê Đê - Một xã hội mẫu quyền*. Nguyễn Ngọc và Phùng Ngọc Cửu dịch. Nxb Tri thức.
- Đặng Hoàng Giang. (2019). *Biến đổi không gian văn hoá buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đỗ Thị Bích Loan. (2013). Giáo dục văn hoá truyền thống trong trường phổ thông dân tộc nội trú ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 97 (31-33).
- Lê Thị Mùi. (2016). Sự biến đổi văn hoá của học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5 (74-80).
- Đào Thị Tùng. (2020). Assuring learning rights of ethnic minority people in Vietnam - Situation and solutions – culture-society-communist review. Truy xuất tại: https://www.tapchi congsan.org.vn/web/english/culture-society/-asset_publisher/nl7yCFQ01T3T/content/assuring-learning-rights-of-ethnic-minority-people-in-vietnam-situation-and-solutions, ngày 10/9/2025.
- Bùi Thị Kiều Thơ. (2015). Quản lý giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho học sinh trong các trường phổ thông dân tộc nội trú. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 75 (22-25).
- Đặng Bích Thủy. (2008). *Vai trò của gia đình đối với việc học tập của trẻ em nông thôn miền núi, gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*. Trịnh Duy Luân, Helle Rystrom, Wil Burghoorn đồng chủ biên. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu. (1996). *Luật tục Ê Đê*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Viện Dân tộc học. (1984). *Dân tộc Ê-đê. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- HĐND tỉnh Đắk Lắk. (2010). Nghị quyết về việc dạy tiếng Êđê trong trường tiểu học và trung học cơ sở, giai đoạn 2010-2015. Buôn Ma Thuột, ngày 09/07/2010.
- Trường THPT Dân tộc nội trú Nơ Trang Lơng. (2015). 40 năm Xây dựng và Phát triển. Đắk Lắk, tháng 12/2015.
- Tổng cục Thống kê. (2020). Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Nxb Thống kê. Hà Nội.